TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2019/HC-PT

Ngày: 27/5/2019

V/v "khiếu kiện quyết định hành Ch"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận

Các Thẩm phán:

1/ Bà Đỗ Thanh Hương

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thụy Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thúy Ái – kiểm sát viên

Ngày 20 và ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phó Hồ Chí Minh xét xử Phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2017/HCPT ngày 08 tháng 01 năm 2019 về khiếu kiện quyết định hành Ch yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành Ch gây ra.

Do Bản án hành Ch sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1689/2019/QĐXXPT-HC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3082/2019/QĐPT-HC ngày 26/4/2019 giữa các đương sự:

1/ Người khởi kiện: Bà Đặng Thị C, sinh năm 1941 (Có mặt)

Địa chỉ: phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà C: Luật sư Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt); Luật sư Bùi khắc T, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)

2/ Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông Lê Hòa B1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Huỳnh Ngọc H1 - phó trưởng phòng Quản lý Đô thị Quận A và ông Đinh Quang Anh L - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Quận A. (Có mặt)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1938 (Có mặt)
- Bà Lê Thị A1, sinh năm 1965 (Có mặt)
- Ông Lê Văn S, sinh năm 1971 (Có mặt)
- Ông Lê Văn B2, sinh năm 1975 (Có mặt)
- Ông Lê Thanh D, sinh năm 1981 (Có mặt)
- Bà Ngô Thị Hồng T1, sinh năm 1987 (Có mặt)
- Bà Trần Thị Kim C2, sinh năm 1974 (Có mặt)
- Bà Phan Ngọc T2, sinh năm 1975 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)
- Ông Lê Văn V, sinh năm 1968 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)
- Ông Lê Văn G, sinh năm 1973 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)
- Ông Lê Hồng S, sinh năm 1977 (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng thường trú: phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà A1, ông S, ông B1, ông S, ông D, ông V, ông G, bà T, bà C, bà T1: Luật sư Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

4/ Người Kháng cáo: Bà Đặng Thị C, sinh năm 1941 (Có mặt).

- Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1938 (Có mặt)

- Bà Lê Thị A1, sinh năm 1965 (Có mặt)
- Ông Lê Văn S, sinh năm 1971 (Có mặt)
- Ông Lê Văn B2, sinh năm 1975 (Có mặt)
- Ông Lê Thanh D, sinh năm 1981 (Có mặt)
- Bà Ngô Thị Hồng T1, sinh năm 1987 (Có mặt)
- Bà Trần Thị Kim C2, sinh năm 1974 (Có mặt)
- Bà Phan Ngọc T2, sinh năm 1975 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)
- Ông Lê Văn V, sinh năm 1968 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)
- Ông Lê Văn G, sinh năm 1973 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)
- Ông Lê Hồng S, sinh năm 1977 (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người khởi kiện bà Đặng Thị C trình bày:

Ngày 04/3/2015 bà C có nhận được Quyết định số 02-QĐ-CC đề ngày 20/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành Ch gây ra (Trong trường hợp đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành Ch về hoạt động xây dựng).

Sau khi nhận quyết định bà có làm đơn cứu xét gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A đề nghị không cưỡng chế tháo dỡ theo Quyết định số 02-QĐ-CC. Ngày 09/4/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A có công văn số 81/UBND trả lời không có cơ sở xem xét. Bà không khiếu nại mà khởi kiện vụ án hành Ch.

Bà C đã xây dựng nhà không số diện tích 398,34m^2 trên diện tích đất 4.012,2m^2 tại một phần thửa 26, 27 tờ bản đồ số 32, Bộ Địa Ch phường Đ, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Thời điểm xây dựng trước năm 1975 gia đình bà sử dụng đất ổn định không có ai tranh chấp.

Nguồn gốc đất:

- Bà C và gia đình sử dụng 11.675,2m^2 thuộc 1 phần thửa 308, 318 (tài liệu 299/TTg) nay thuộc một phần thửa 25, 26, 27, 28 tờ bản đồ số 32 Bộ địa Ch phường Đ, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Khi hợp tác xã tan rã, đất của người nào thì người đó lấy lại để sử dụng, bà có đóng thuế một thời gian thì nhà nước miễn thuế nên không phải nộp thuế nữa, do đất nằm trong diện quy hoạch

nên chưa được cấp quyền sử dụng đất.

- Năm 1992, một phần đất của bà nằm trong quy hoạch xây dựng khu chế xuất Tân Thuận. Tháng 12 năm 1992, Công ty Phát triển Công nghệ Tân Thuận đã thu hồi 7.663m^2 và đã bồi thường thiệt hại cho gia đình 118.294.250 đồng, có biên bản bàn giao mặt bằng giữa bà C và Công ty Phát triển Công nghệ Tân Thuận ngày 29/5/1993 ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Như vậy, diện tích đất còn lại 4.012,2 m^2 không nằm trong quy hoạch khu chế xuất Tân Thuận. Ủy ban nhân dân Quận A chưa có Quyết định thu hồi đất cũng như chưa bồi thường thiệt hại về công trình xây dựng trên đất cho gia đình bà C.

- Căn cứ Điều 75, Điều 89 Luật Đất đai 2013 gia đình bà C có đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi diện tích 4.012,2m^2 đất và diện tích xây dựng nhà 398,34m^2.

- Căn cứ vào Điều 121 Luật xây dựng số 16/2003-QH11 ngày 26/11/2003; điểm b khoản 1, điều 3 Quyết định 30/2005/QĐ-TTg ngày 28/2/2005 của Thủ tướng Ch phủ, công văn số 29/QLN ngày 12/2/2007 của Cục Quản lý nhà - Bộ xây dựng, nhà và công trình kiến trúc, diện tích 398,34m^2 của gia đình bà được tồn tại và không phải ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành Ch.

Bà yêu cầu Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy Quyết định số 02/QĐ-CC ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc hậu quả do vi phạm hành Ch gây ra đối với gia đình bà C.

* Tại bản tự khai ngày 03/10/2018 ông Lê Hòa B1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, người bị kiện trình bày:

Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành Ch gây ra (Trong trường hợp đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành Ch về hoạt động xây dựng) số 02/QĐ-CC ngày 20/01/2015 đối với bà Đặng Thị C là đúng quy định.

a. Pháp lý khu đất:

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UB ngày 03/04/1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Ch sách giải toả, đền bù trong công trình xây dựng

khu chế xuất Tân Thuận và các công trình phụ cận khu chế xuất trên địa bàn huyện Nhà Bè;

Căn cứ hồ sơ đền bù số 360 ngày 22/11/1992, tháng 12/1992 Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận đã thực hiện bồi thường cho hộ bà Đặng Thị C toàn bộ diện tích nhà, đất đang sử dụng là 7.663m^2 (bao gồm 6.484m^2 đất ruộng, 1.101,17m^2 đất gò và 77,83m^2 đất nền nhà) diện tích này bao gồm cả một phần thửa 26 và 27, tờ bản đồ số 32 – Bộ địa Ch, phường Đ, Quận A với tổng số tiền 118.294.250 đồng.

Ngày 28/02/2005, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 895/QĐ-UB về việc thu hồi, giao đất cho Ủy ban nhân dân Quận A quản lý, chuẩn bị đầu tư xây dựng công viên tại phường Đ, Quận A. Ranh giới được xác định theo Bản đồ 2820 ngày 04/11/2002 và có nghĩa vụ hoàn lại kinh phí cho công ty Phát triển Tân Thuận.

Ngày 23/4/2014, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 57/QĐ- UBND về việc thành lập Tổ công tác xử lý việc xây dựng nhà trên phần đất đã có quyết định thu hồi của Ủy ban nhân dân Thành phố và tiếp nhận phần đất theo Quyết định thu hồi số 895/QĐ-UB về việc thu hồi, giao đất cho Ủy ban nhân dân Quận A quản lý, chuẩn bị đầu tư xây dựng công viên tại phường Đ, Quận A.

b. Pháp lý xác lập hành vi:

Căn cứ Điểm d, Khoản 1, Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành Ch; "chỉ xử phạt vi phạm hành Ch khi có hành vi vi phạm hành Ch do pháp luật quy định"; căn cứ Khoản 1, Điều 6, Nghị định 81/2013/NĐ-CP của Ch phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Xử lý vi phạm hành Ch năm 2012 "người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành Ch gồm người có thẩm quyền xử phạt, công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ". Do bà Đặng Thị C là người trực tiếp thực hiện hành vi vi phạm về trật tự xây dựng đô thị nên việc lập Biên bản vi phạm hành Ch và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm (đối với trường hợp đã kết thúc thi công xây dựng) số 84/BB-VPHC ngày 02/12/2014 của Ủy ban nhân dân phường Đ là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 28, Điều 65, Luật Xử lý vi phạm hành Ch; căn cứ Điều 68 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Ch phủ quy định về thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện. Căn cứ Điều 6

Luật Xử lý vi phạm hành Ch; căn cứ Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Ch phủ quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành Ch. Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành Ch gây ra số 103/QĐ-KPHQ do ông Dương Minh Thùy – nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ký là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 86, Điều 87, Luật Xử lý vi phạm hành Ch, căn cứ Điều 2, Điều 41, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Ch phủ quy định về cưỡng chế thi hành Quyết định Xử phạt vi phạm hành Ch. Quyết định số 02/QĐ-CC ngày 20/01/2015 do ông Dương Minh Thùy- nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ký là đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết đơn dân nguyện:

Ủy ban nhân dân Quận A có nhận được đơn cứu xét của bà Đặng Thị C với nội dung không cưỡng chế, không tháo dỡ nhà theo Quyết định cưỡng chế số 02/QĐ-CC. Qua xem xét hồ sơ, Ủy ban nhân dân Quận A đã có văn bản trả lời số 81/UBND ngày 09/04/2015 cho bà Đặng Thị C như sau:

Việc bà Đặng Thị C làm đơn xin cứu xét không cưỡng chế, không tháo dỡ nhà theo Quyết định cưỡng chế số 02/QĐ-CC do hoàn cảnh gia đình khó khăn, mất sức lao động và xin được tồn tại công trình. Xét thấy đơn xin cứu xét tồn tại toàn bộ công trình xây dựng vi phạm của bà là không có cơ sở giải quyết (vì công trình xây dựng thuộc khu vực quy hoạch cây xanh, đã có quyết định thu hồi số 895/QĐ-UB ngày 28/02/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi, giao đất cho Ủy ban nhân dân Quận A để quản lý, chuẩn bị đầu tư xây dựng công viên tại phường Đ, Quận A. Mặt khác diện tích đất mà bà đang sử dụng đã được hiệp thương đền bù thể hiện tại hồ sơ đền bù số 360 ngày 22/12/1992). Do đó, việc bà C kiến nghị Ủy ban nhân dân Quận A thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho bà đối với phần đất bà đang sử dụng thuộc khu quy hoạch công viên cây xanh và đã có quyết định thu hồi đất là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Ngày 25/8/2015, Ủy ban nhân dân Quận A nhận được đơn dân nguyện lần 2 của bà Đặng Thị C đối với quyết định cưỡng chế số 02/QĐ-CC ngày 20/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A. Qua xem xét hồ sơ, Ủy ban nhân dân Quận A có văn bản số 265/UBND ngày 01/10/1015 phúc đáp cho bà C với nội dung: “Việc bà kiến nghị Ủy ban nhân dân Quận A hoãn thi hành quyết định cưỡng chế số 02/QĐ-CC ngày 20/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân Quận A là không có cơ sở xem xét thụ lý. Ủy ban nhân dân Quận A yêu cầu bà Đặng Thị C nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế số 02/QĐ-CC ngày 20/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận. Trong trường hợp bà không chấp hành, Ủy ban nhân dân Quận A sẽ tổ chức cưỡng chế phá dỡ theo quy định pháp luật".

Về phần đất đã được bồi thường giải tỏa, Chủ đầu tư đã xác nhận bồi thường theo văn bản số 613/IPC.12 ngày 24/12/2012 và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 895/QĐ-UB ngày 28/02/2005 về việc thu hồi, giao đất cho Ủy ban nhân dân Quận A để quản lý, chuẩn bị đầu tư xây dựng công viên tại phường Đ, Quận A.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 3221/QĐ-UB-NC ngày 19/6/1998 bác đơn của các hộ đã nhận tiền đền bù đất đúng Ch sách, đúng quy định, nay khiếu nại xin lại đất tại khu vực ngoài tường rào khu chế xuất Tân Thuận, thuộc phần đất nằm trong quy hoạch trồng cây xanh để bảo vệ môi trường sống cho đồng bào trong khu vực.

Theo công văn số 1215/TTNN-XKT ngày 12/12/2001 của Thanh tra Nhà nước có nội dung khiếu nại của bà con đã được các cơ quan có thẩm quyền từ địa phương đến Trung Ương xem xét giải quyết đúng Ch sách, đúng pháp luật, thấu lý, đạt tình. Tiếp tục khẳng định văn bản số 05/UB.XKT ngày 24/10/2000 và kết luận số 59/XKT ngày 15/01/2001 của Đoàn công tác liên ngành của Ch phủ hoàn toàn đúng pháp luật, không mâu thuẫn nhau; quyết định giải quyết khiếu nại số 679/QĐ-TTNN ngày 14/8/2001 của Tổng Thanh tra Nhà nước là quyết định cuối cùng, đúng pháp luật và có hiệu lực thi hành. Một số hộ có đề nghị xin được tiếp tục sử dụng phần đất đã giải tỏa ngoài hàng rào khu chế xuất mà Thành phố đang chỉ đạo thiết lập vành đai cây xanh là không có cơ sở giải quyết.

Ủy ban nhân dân Quận A có Công văn số 92/UBND -TTQ7 ngày 19/7/2013 về việc trả lời đơn của bà Đặng Thị C về bồi thường giải tỏa xây dựng khu công viên cây xanh tại phường Đ việc bà C kiến nghị Ủy ban nhân dân Quận A thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho bà đối với phần đất thuộc quy hoạch khu công viên nêu trên là không có cơ sở xem xét giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Được thống nhất quá trình cất nhà, sử dụng đất như bà C trình bày.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các con bà C trình bày:

Các ông bà thống nhất với mọi ý kiến trình bày của cha mẹ là bà C, ông Được đề nghị hủy Quyết định số 02/QĐ-CC ngày 20/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc hậu quả do vi phạm hành Ch gây ra. Vì ngoài phần nhà đất còn lại này các ông bà không còn chỗ ở nào khác.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện như sau:*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A cho rằng bà C xây dựng trái phép trên phần đất đã được Ủy ban nhân dân Thành phố giao theo Quyết định số 895/QĐ-UB ngày 28/02/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Nếu căn cứ vào Quyết định số 895/QĐ-UB ngày 28/02/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố để buộc bà C phải tháo dỡ là quá thiệt thòi cho bà C vì hồ sơ bồi thường của Ủy ban thời điểm đó không ghi rõ số thửa, diện tích, tờ bản đồ cũng không yêu cầu chồng bà C hoặc các con bà ký xác nhận mà đưa cho bà C không hiểu biết xác nhận. Hộ bà C chưa nhận tiền bồi thường giải tỏa của phần đất 4.012,2m^2

Về Biên bản xử phạt vi phạm hành Ch lập năm 2014 đối với phần diện tích nhà xây dựng từ năm 1995, 1997, 2005 là không phù hợp, tại sao đến 20 năm sau mới lập biên bản, vi phạm lúc nào phải lập biên bản lúc đó, tại sao sau này mới lập biên bản. Bà C không có khiếu nại xin được phép sử dụng lại phần đất ngoài ranh khu chế xuất do đó việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A căn cứ vào Quyết định số 3221/QĐ-UB-NC ngày 19/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và công văn số 1215/TTNN-XKT ngày 12/12/2001 của Thanh tra Nhà nước để áp dụng vào trường hợp của bà C là không đúng. Nếu phải tháo dỡ đề nghị phải bồi thường đất và vật kiến trúc cho gia đình bà C.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện* bảo lưu trình bày của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A**.**

Tại bản án hành Ch sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

- Căn cứ vào Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Điều 31; Điểm a Khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành Ch;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 ; Điều 86 ; Điều 87 ; Điều 88 của Luật Xử lý vi phạm hành Ch năm 2012;

- Căn cứ vào Điều 6 ; Điều 33 ; Điều 34 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Ch Phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành Ch;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử :

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị C về hủy Quyết định số 02/QĐ-CC ngày 20/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc hậu quả do vi phạm hành Ch gây ra.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh xét hủy toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân Quận A vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không công khai chứng cứ, không đối thoại sau khi thay đổi người bị kiện, không đưa Công ty Phát triển Công nghệ Tân Thuận vào tham gia tố tụng với tư cánh người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Trường hợp không hủy án yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 02-QĐ-CC ngày 20/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh vì Ủy ban nhân dân Quận A chưa bồi thường phần nhà đất nêu trên cho gia đình bà C.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: bảo lưu trình bày của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa hành Ch. Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Lý do kháng cáo của bà C và những người có quyền lơi nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu Tòa án thành phố Hồ Chí Minh hủy án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C, hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành Ch thấy:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đơn kháng cáo của **bà C** nộp trong thời hạn kháng cáo theo quy định luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và các ông bà Thủy, Vàng, Giàu, Sơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 168 Luật tố tụng hành Ch.

Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo.

Theo đơn khởi kiện của bà C Tòa án nhân dân Quận A đã thụ lý vụ án xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận A,thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thực hiện thủ tục tố tụng, Thẩm phán giải quyết vụ án không mở phiên họp công khai chứng cứ, có lập biên bản không tiến hành đối thoại ngày 27/9/2018 và ngày 30/10/2019 với người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên sau khi mở phiên tòa lần thứ nhất Tòa án nhân dân Quận A xác định người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy vụ án đã thay đổi người bị kiện nhưng trong quá trình giải quyết vụ án sau đó Tòa án nhân dân Quận A đã không thực hiện việc công khai chứng cứ, cũng như đối thoại đối với người bị kiện mới là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 27/11/2018 Tòa án nhân dân Quận A, thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử vụ án theo Bản án số 06/HC-ST ngày 27/11/2018. Như vậy căn cứ vào Điều 134, Điều 136 Luật tố tụng hành Ch năm 2015. Tòa án nhân dân Quận A, thành phố Hồ Chí Minh đã không thực hiện thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Việc khiếu kiện vụ án của bà C liên quan đến việc bồi thường về phần nhà đất bị cưỡng chế. Theo lời khai của người bị kiện, hồ sơ bồi thường nhà đất của bà C là do Công ty Phát triển Công nghệ Tân Thuận thực hiện. Do đó xét

thấy cần thiết phải đưa Công ty Phát triển Công nghệ Tân Thuận vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này để xác định rõ phần nhà đất gia đình bà C bị cưỡng chế theo quyết định bị kiện đã được bồi thường chưa, từ đó Tòa án mới giải quyết vụ án được Ch xác đúng pháp luật.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà C, ông Được, bà Ánh, ông Sang, ông Bền, ông Sơn, ông Dũng, ông Vàng, ông Giàu, bà Thủy, bà Chi, bà Thanh về việc yêu cầu hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là có cơ sở.

Đề nghị của viện Kiểm sát thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu chấp nhận kháng cáo và hủy án sơ thẩm là có căn cứ.

Về án phí hành Ch phúc thẩm: Bà C, ông Đ, bà A, ông S, ông B1, ông S, ông D, ông V, ông G, bà T, bà C1, bà T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 134, 136, khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành Ch;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

Chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị C, Ông Lê Văn Đ1, Bà Lê Thị A1,Ông Lê Văn S,Ông Lê Văn B2, Ông Lê Thanh D, Bà Ngô Thị Hồng T1, Bà Trần Thị Kim C2, Bà Phan Ngọc T2,Ông Lê Văn V, Ông Lê Văn G, Ông Lê Hồng S, về việc yêu cầu hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Hủy bản án sơ thẩm số 06HC-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận A thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại .

2- Án phí hành Ch phúc thẩm:

Bà Lê Thị A1 được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0026500 ngày 24/12/2018

, Ông Lê Văn S được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0026502 ngày 24/12/2018 , Ông Lê Văn B2 được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0026504 ngày 24/12/2018 , Ông Lê Thanh D được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0026506 ngày 24/12/2018, Bà Ngô Thị Hồng T1 được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0026509 ngày 24/12/2018, Bà Trần Thị Kim C2 được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0026508 ngày 24/12/2018, Bà Phan Ngọc T2 được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0026507 ngày 24/12/2018, Ông Lê Văn V được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0026501 ngày 24/12/2018, Ông Lê Văn G được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0026503 ngày 24/12/2018, Ông Lê Hồng S được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0026505 ngày 24/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thanh Hương **Nguyễn Thị Thu Thủy** **Lê Thị Thuận**